TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn và ông Trương Minh Thọ

***Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Ngọc Hoàng Anh là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** bà Đỗ Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 648/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm H, sinh năm: 1990; địa chỉ: tổ 18 (số cũ: tổ dân phố 23), Quảng Thừa, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: ông Bùi A, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ 18 (số cũ: tổ dân phố 23), Quảng Thừa, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm H trình bày: Bà và ông Bùi A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, thời gian ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông A đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, khiến bà phải vay mượn để trả nợ, khi bà không vay mượn được thì ông A có hành vi bạo hành, đánh đập đối với bà làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, tinh thần của bà. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông A, mâu thuẫn giữa bà và ông A đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A để giải thoát tình trạng hôn nhân bế tắc giữa hai người.

Về con chung: bà xác nhận vợ chồng có 02 người con chung gồm cháu Bùi A Khánh NG, sinh ngày: 07-10-2013; cháu Bùi A Hà A, sinh ngày: 02-12-2021. Khi ly hôn, bà đề nghị giao 02 con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng bà không yêu cầu ông Bùi A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết, về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Bùi A nhưng sau thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án thì ông Bùi A không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Phạm H , đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28-12-2023, bị đơn ông Bùi A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, trong khi đó Phạm H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Riêng đối với phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án tiến hành vắng mặt ông Bùi A theo thủ tục chung, sau đó đã thông báo kết quả cho ông Bùi A không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phạm H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với ông Bùi A . Bị đơn ông Bùi A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm H , cho bà Phạm H ly hôn với ông Bùi A .

Về con chung: Giao con chung là cháu cháu Bùi A Khánh NG, sinh ngày: 07-10-2013; cháu Bùi A Hà A, sinh ngày: 02-12-2021 cho bà Phạm H trực tiếp nuôi con, ông Bùi A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét; về nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Bùi A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi A theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ vào năm 2012; lời khai của Phạm H đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Phạm H và ông Bùi A là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy rằng, thực tế hôn nhân giữa bà Hà và ông A tồn tại nhiều mâu thuẫn, thông qua bản ảnh do bà Hà cung cấp thì nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông A đam mê cờ bạc, ngoài ra ông A còn có hành vi bạo hành đối với bà Hà, con cái làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, tinh thần của bà Hà và con. Trên thực tế bà Hà và ông A cũng đã sống ly thân, trong thời gian không chung sống thì hai bên không liên lạc, thăm hỏi gì lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, sự việc cho thấy cả hai bên đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, vi phạm nguyên tắc tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã ở mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Bà Hà có nguyện vọng ly hôn, Toà án đã thông báo cho ông A được biết sự việc nhưng ông A không có ý kiến gì cho thấy ông A không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên, do đó cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho bà Hà được ly hôn với ông A.

[3] Về con chung: Bà Phạm H khai nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi A Khánh NG, sinh ngày: 07-10-2013 và cháu Bùi A Hà A, sinh ngày: 02-12-2021, lời khai phù hợp với giấy khai sinh do Phạm H xuất trình nên có cơ sở khẳng định giữa Phạm H và ông Bùi A có 02 người con chung như đã nêu trên. Qua xem xét thì thấy, hiện tại thì cháu Bùi A Khánh NG, sinh ngày: 07-10-2013 hiện tại đang do bà Hà trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian nuôi dưỡng thì thể chất và sức khoẻ phát triển lành mạnh; bản thân cháu cũng có nguyện vọng để bà Hà trực tiếp nuôi nên cần tiếp tục giao cháu Bùi A Khánh NG cho bà Hà trực tiếp nuôi là phù hợp. Đối với cháu Bùi A Hà A, sinh ngày: 02-12-2021, hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, bản thân bà Hà có đủ điều kiện và có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi, do đó để đảm bảo quyền lợi cho cháu Bùi A Hà A về mọi mặt thì cần giao cháu Bùi A Hà A cho bà Hà trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Hà không yêu cầu nên không buộc ông A phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]Về tài sản cung: bà Phạm H khai nhận sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giản quyết. Về nợ chung: Bà Hà xác nhận không có. Trong khi đó, ông Bùi A không có ý kiến gì về các nội dung này nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bà Phạm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm H về việc *"Ly hôn"*. Giải quyết cho bà Phạm H được ly hôn với ông Bùi A .

2. Về con chung: Giao cháu Bùi A Khánh NG, sinh ngày: 07-10-2013 và cháu Bùi A Hà A, sinh ngày: 02-12-2021 cho bà Phạm H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi A không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Phạm H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0012174 ngày 05-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND Phường 4, thành phố Đ;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn